

TT	HỌ VÀ TÊN		Năm sinh	ĐDLX	KT LX	CTSC TT	NVVT	Luật	TH LX	Ghi Chú
	Trương Ngọc	Ẩn	01/01/1978	9.5	10.0	6.0	8.8	9.5		
	Trương Tuấn	Anh	09/09/1969	9.5	10.0	9.0	9.0	7.5		
	Nguyễn Thanh	Bình	01/01/1976	9.5	10.0	9.0	8.8	9.5		
	Trần Sĩ	Can	24/12/1995	9.8	10.0	6.0	9.0	10.0		
	Phạm Văn	Cang	07/08/1969	10.0	10.0	6.0	8.8	9.0		
	Nguyễn Đình	Châu	19/11/1999	8.8	9.5	9.0	8.5	9.5		
	Đỗ Trần	Chinh	26/10/1982	9.8	10.0	10.0	9.3	10.0		
	Trần Minh	Chính	10/11/1968	9.0	9.8	9.5	9.0	8.0		
	Ngô Trọng	Cư	01/10/1969	9.5	9.5	9.0	9.8	5.5		
	Nguyễn Thành	Danh	11/09/1994	9.5	9.3	9.0	8.0	9.5		
	Trương Thành	Đoàn	30/12/1985	9.5	9.3	9.0	8.8	9.0		
	Phạm Tự	Đồng	14/09/1978	9.8	10.0	10.0	9.5	9.0		
	Lương Quang	Du	17/08/1981	8.8	9.0	9.0	9.0	9.5		
	Lê Văn	Đường	02/06/1992	10.0	10.0	9.5	10.0	8.0		
	Lê Đức	Duy	10/08/1992	10.0	10.0	8.5	9.8	10.0		
	Nguyễn Văn	Hải	20/11/1994	9.8	10.0	9.0	9.5	9.0		
	Thái Doãn	Hải	28/08/1985	9.3	9.3	9.0	9.3	10.0		
	Kiều Văn	Hận	10/07/1994	10.0	10.0	9.5	9.8	9.5		
	Nguyễn Văn	Hào	01/03/1994	9.8	10.0	9.0	9.0	8.0		
	Phạm Ngọc	Hiệp	08/11/1997	10.0	10.0	9.5	9.3	8.5		
	Huỳnh Hoàng	Hiếu	06/11/1996	9.8	10.0	10.0	9.3	7.5		
	Tô Văn	Hiệu	07/07/1976	7.8	10.0	6.0	8.0	10.0		
	Châu Ngọc	Hùng	10/11/1991	9.8	9.8	9.0	9.3	9.0		
1	Nguyễn Văn	Hữu	01/12/1991							Học lại 5 môn
	Dư Huỳnh	Huy	11/12/1993	10.0	10.0	9.0	9.8	7.0		
2	Lê Anh	Kiệt	19/04/1997					10.0		Học lại 4 môn
3	Phạm Văn	Linh	26/07/1996							Học lại 5 môn
	Nguyễn Tấn	Luân	01/09/1990	9.5	10.0	9.0	9.3	8.0		
4	Nguyễn Thành	Luân	04/06/1989							Học lại 5 môn
5	Võ	Minh	10/04/1986	8.8	8.8	9.0	9.3			Học lại 1 môn
	Phan Hồ Ngọc	Nam	20/05/1998	10.0	10.0	9.5	9.3	9.5		
	Nay Y	Nen	20/11/1987	8.8	9.8	7.0	8.8	10.0		
	Phạm Trọng	Ngọc	25/10/1977	8.8	9.8	8.0	8.8	10.0		
	Nguyễn Quang	Nhật	27/12/1979	10.0	9.8	9.0	10.0	9.0		
	Lê Xuân	Phán	17/10/1985	8.5	9.5	8.0	9.5	7.0		
	Nguyễn Anh	Phong	10/07/1995	10.0	10.0	9.0	9.8	9.5		
	Phan Văn	Phúc	01/01/1976	9.5	10.0	9.0	8.0	9.0		
	Trần Quang	Phúc	01/03/1997	9.5	10.0	9.0	8.8	9.5		
	Lương Đình	Phương	20/06/1985	9.8	10.0	9.0	9.0	10.0		
	Nguyễn Trọng	Quốc	02/03/1987	10.0	10.0	9.5	10.0	9.0		
	Trương Văn	Sửu	02/04/1980	9.5	10.0	8.5	8.8	8.5		
	Lê Văn	Tài	08/02/2000	9.5	9.8	9.0	8.8	9.5		
	Huỳnh Chí	Tâm	13/07/1994	9.5	9.0	9.0	8.8	10.0		
	Nguyễn Ngọc	Tân	22/12/1990	9.8	10.0	9.0	9.5	8.0		
	Lê Hồng	Thảo	20/02/1978	9.5	10.0	9.0	9.0	9.5		
	Trương Văn	Thông	17/12/1988	9.8	10.0	9.5	9.5	9.0		
	Lê Tấn	Thuận	20/12/1990	10.0	10.0	9.5	10.0	10.0		
	Trần Văn	Thuận	02/04/1998	10.0	9.5	9.0	9.8	6.0		

TT	HỌ VÀ TÊN		Năm sinh	ĐDLX	KTLX	CTSC TT	NVVT	Luật	THLX	Ghi Chú
6	Nguyễn Văn	Tiên	17/07/1984							Học lại 5 môn
	Nguyễn Đồng	Tiến	02/06/1990	9.5	9.3	7.0	9.8	6.5		
	Nguyễn Nhật	Tinh	15/08/1995	10.0	9.5	9.0	9.8	8.0		
	Nguyễn Thái	Tôn	01/09/1996	9.8	10.0	8.0	9.5	6.0		
7	Phạm Đình	Trầm	08/06/1997					9.5		Học lại 4 môn
	Huỳnh Tấn	Trọng	20/08/1983	9.5	10.0	9.0	8.8	10.0		
	Nguyễn Hoàng	Tú	25/12/1994	9.5	9.5	7.5	8.0	9.5		
	Huỳnh Quốc	Tuấn	20/10/1988	10.0	10.0	9.0	9.8	9.5		
	Nguyễn Thanh	Tuấn	19/09/1980	10.0	10.0	9.5	9.5	8.0		
	Hồ Trịnh	Văn	01/09/1998	9.5	9.3	9.0	8.0	9.5		
	Nguyễn Mậu	Văn	10/07/1985	9.5	10.0	9.0	8.8	10.0		
	Hồ Quốc	Việt	20/03/1998	9.8	8.0	9.0	8.0	9.5		